TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÀ BẮC** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ HẢI VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST
Ngày : 10/6/2022
Về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Xa Kỳ Tiến
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Xa Tiến Đắc và bà Phạm Thị Dần
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Như Thủy - *Kiểm sát viên*.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm D, xã TM, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Xa Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm D, xã TM, huyện Đà Bắc,tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Quyến, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai và phần trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì: Chị Hà Thị V và anh Xa Văn C kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng đến đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị V rất nhiều lần. Mặc dù đã được đưa ra xóm hòa giải nhưng anh C vẫn không thay đổi nên chị V đã đưa

cả ba con chung về sống với bố mẹ đẻ từ năm 2019 đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị V yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị V, anh C có 03 con chung là Xa Thị Kim Th, sinh ngày 04/5/2013, Xa Thị Kim Th1, sinh ngày 20/12/2014 và Xa Khang D, sinh ngày 11/5/2016. Nguyện vọng của chị V là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và cháu Th1 cho đến khi trưởng thành, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị V nhường quyền nuôi cháu D cho anh C.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đưa ra đề nghị được trực tiếp nuôi cả cháu D vì anh C không có mặt tại phiên tòa, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng cho cháu D.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

- Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý: Vợ chồng chị V, anh C tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập vợ. Qua xác minh thấy tình trạng hôn nhân như chị V trình bày là đúng, yêu cầu của chị V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị V. Về con chung: Do anh C không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị giao các con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung : Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc tống đạt các giấy tờ, tài liệu và niêm yết công khai đúng theo quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị V là có căn cứ theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 (Luật HNGĐ), đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị V. Về nuôi con chung: Giao các con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị tuyên các quyền và nghĩa vụ đối với các con chung cho anh C và chị V, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 LHNGĐ.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã TM, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của BLTTDS nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Xa Văn C tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Minh, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình từ năm 2014. Do đó hôn nhân của chị V, anh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng 02 năm sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị V rất nhiều lần. Mặc dù đã được hai bên gia đình góp ý nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Qua xác minh thấy rằng vợ chồng chị V, anh C có mâu thuẫn đã lâu, tình trạng hôn nhân như chị V đã trình bày là có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy anh C nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, chị V và anh C đã ly thân từ năm 2019, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị V đối với anh Xa Văn C là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị V, anh C có 03 con chung là Xa Thị Kim Th, sinh ngày 04/5/2013, Xa Thị Kim Th1, sinh ngày 20/12/2014 và Xa Khang D, sinh ngày 11/5/2016. Nguyện vọng của chị V là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy chị V chứng minh bản thân có thu nhập ổn định, có nơi cư trú, từ năm 2019 chị vẫn đi làm và nuôi con ăn học ổn định trong khi anh C không hề có trách nhiệm, quan tâm đến con cái và cũng không có mặt tại Tòa án để đưa ra ý

kiến, quan điểm của mình. Do đó yêu cầu của chị V được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và có căn cứ pháp luật, xét thấy cần chấp nhận, giao các con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về công nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị V đối với anh Xa Văn C. Xử cho chị Hà Thị V được ly hôn anh Xa Văn C.

Về con chung: Giao các con chung là Xa Thị Kim Th, sinh ngày 04/5/2013; Xa Thị Kim Th1, sinh ngày 20/12/2014 và Xa Khang D, sinh ngày 11/5/2016 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật, chị V chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi có thay đổi, chị V và anh C có quyền yêu cầu cấp dưỡng hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Chị Hà Thị V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003609 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình. Chị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã TM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**